

HỒ SƠ YÊU CẦU KHI MUA BÁN/CHUYỂN NGOẠI TỆ RA NƯỚC NGOÀI (ÁP DỤNG CHO KHÁCH HÀNG CÁ NHÂN)

Mã hiệu: PL05- QT.TTQT/01

Ngày hiệu lực:

Lần ban hành/sửa đổi: 07/00

ÁP DỤNG CHO NGƯỜI CƯ TRÚ LÀ NGƯỜI NƯỚC NGOÀI
Nguyên tắc kiểm tra và thu thập, lưu trữ chứng từ:

1. Nhận dạng thể thức văn bản:

- Bản gốc: là bản hoàn chỉnh về nội dung, thể thức văn bản được cơ quan, tổ chức (nêu rõ tên cơ quan, tổ chức) ban hành và có giá trị pháp lý để sử dụng, có chữ ký trực tiếp của người có thẩm quyền và dấu trực tiếp của cơ quan, tổ chức ban hành

- Bản chính: là bản hoàn chỉnh về nội dung, thể thức văn bản và được cơ quan, tổ chức (nêu rõ tên cơ quan, tổ chức) ban hành và có giá trị pháp lý để sử dụng, nhận biết bằng dấu trực tiếp của cơ quan, tổ chức ban hành

- Bản sao y (Viết tắt của Bản sao y bản chính): là bản sao đầy đủ, chính xác nội dung của văn bản và được trình bày theo thể thức quy định, phải được thực hiện từ bản chính và được đóng dấu sao y bản chính hoặc xác nhận nội dung sao y và có chữ ký của người có thẩm quyền của Tổ chức đó trên bản sao.

- Bản sao chứng thực: là bản sao đầy đủ, chính xác nội dung của văn bản và được trình bày theo thể thức quy định, phải được thể hiện từ bản chính, được đóng dấu sao y bản chính của Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã và được chứng thực bởi công chứng viên

- Bản công chứng/chứng thực: là việc chứng thực giao dịch bằng văn bản và được lập tại cơ quan có thẩm quyền công chứng/chứng thực (văn phòng công chứng hợp pháp, cấp có thẩm quyền chứng thực, Ủy ban nhân dân)

- Bản sao: là bản chụp, bản in, bản đánh máy có nội dung đầy đủ, chính xác như bản chính

2. Trong trường hợp khách hàng không cung cấp được các tài liệu có yêu cầu thể thức văn bản là bản chứng thực thì chuyên viên thực hiện giao dịch yêu cầu Khách hàng xuất trình chứng từ bản chính/bản gốc và sao chụp lại một bản và xác nhận “Đã đối chiếu khớp đúng với bản chính/bản gốc” hoặc đóng dấu “Sao y bản chính”, ký và ghi rõ họ tên, chức danh lên bản sao làm giấy tờ lưu tại TCB, trả lại bản gốc/bản chính cho KH.

3. Trong trường hợp ngôn ngữ của chứng từ không phải tiếng Việt/tiếng Anh, chuyên viên thực hiện giao dịch yêu cầu Khách hàng xuất trình bản dịch thuật công chứng của chứng từ đó bằng tiếng Việt. Riêng đối với Hợp đồng thương mại trong giao dịch thanh toán biên mậu phải được thể hiện bằng cả tiếng Trung và tiếng Việt, trong trường hợp không có một trong hai loại ngôn ngữ này, chuyên viên thực hiện giao dịch yêu cầu Khách hàng xuất trình bản dịch thuật công chứng của Hợp đồng thương mại bằng ngôn ngữ còn thiếu.

4. Trong các trường hợp cá nhân thực hiện chuyển tiền đã là khách hàng của Techcombank thì không yêu cầu cung cấp giấy tờ tùy thân.

5. Đơn vị yêu cầu KH xuất trình chứng từ chứng minh nguồn thu hợp pháp với cả trường hợp sử dụng VND và ngoại tệ

6. Trong các trường hợp “mua, chuyển ngoại tệ”, từ “mua” được hiểu là giao dịch mua để chuyển đi nước ngoài tại Techcombank

STT	MỤC ĐÍCH	TÀI LIỆU CẦN CUNG CẤP	THẺ THỨC VĂN BẢN						GHI CHÚ	HẠN MỨC	
			BẢN GỐC	BẢN CHÍNH	BẢN SAO Y	BẢN SAO	BẢN CÔNG CHỨNG/C HỨNG THỰC	BẢN SAO CHỨNG THỰC			
1	Người cư trú là cá nhân nước ngoài thực hiện việc chuyển thu nhập hợp pháp phát sinh từ các hợp đồng chuyển nhượng tài sản, thừa kế, hợp đồng lao động ra nước ngoài	1. Lệnh chuyển tiền trong trường hợp chuyển tiền đi nước ngoài;	X							Theo trị giá nguồn thu nhập hợp pháp mà KH chứng minh được	
		2. Hợp đồng chuyển nhượng tài sản (bán căn hộ, chuyển nhượng quyền sử dụng đất), hoặc;						X			
		2. Hợp đồng lao động, Giấy phép lao động hoặc;						X			
		2. Hợp đồng cung cấp dịch vụ (tư vấn, dịch thuật, v.v), hoặc;						X			
		2. Văn bản khai nhận di sản, hoặc;						X			
		2. Văn bản nào thể hiện người yêu cầu chuyển ngoại tệ ra nước ngoài có quyền thụ hưởng khoản tiền đó một cách hợp pháp.		Tùy theo lý do kê khai về thu nhập hợp pháp của Người cư trú là cá nhân nước ngoài							
		3. Giấy tờ tùy thân của người yêu cầu mua và/hoặc chuyển ngoại tệ ra nước ngoài.						X			